

Số: 563 /QĐ-HVPNVN

Hà Nội, ngày 28 tháng 06 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc quy định mức thu phí nhập học, học phí, phí sử dụng khu nội trú và
các loại phí khác năm học 2024-2025

GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN PHỤ NỮ VIỆT NAM

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính Phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định 81/2021/NĐ-CP ngày 27/9/2021 của Chính Phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ Nghị định 97/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính Phủ về sửa đổi, bổ sung Nghị định 81/2021/NĐ-CP ngày 27/9/2021 quy định cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ Nghị quyết số 03/NQ-HĐHV ngày 20/11/2021 của Hội đồng Học viện Phụ nữ Việt Nam ban hành quy chế Tổ chức và Hoạt động của Học viện Phụ nữ Việt Nam;

Căn cứ Nghị quyết số 12/NQ-HĐHV ngày 25/06/2024 của Hội đồng Học viện về việc thông qua phương án học phí năm học 2024-2025 và những năm tiếp theo.

Xét đề nghị của Phòng Đào tạo; Phòng Tài chính kế toán; Phòng Tổ chức hành chính; Phòng Công tác sinh viên; Viện công nghệ thông tin.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định về mức thu lệ phí xét tuyển, lệ phí nhập học cụ thể như sau:

1. Đối với chương trình đào tạo đại học chính quy:

- Lệ phí xét tuyển sớm hoặc xét tuyển bổ sung (sau lịch xét tuyển chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo - nếu có): 50.000 đồng/nguyên vọng;

- Lệ phí xét tuyển theo lịch chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo dựa trên kết quả thi THPT quốc gia năm 2024: Theo quy định chung của Bộ GD&ĐT;

- Lệ phí nhập học: 100.000 đồng/sinh viên;

2. Đối với chương trình đào tạo thạc sĩ:

- Lệ phí nộp hồ sơ: 200.000 đồng/ hồ sơ;
- Lệ phí xét tuyển: 500.000 đồng/học viên (nếu tổ chức xét tuyển);
- Lệ phí thi đầu vào: 200.000 đồng/môn (nếu thi tuyển);
- Lệ phí nhập học: 200.000 đồng/học viên;
- Lệ phí xác minh văn bằng, chứng chỉ: 300.000 đồng/học viên;
- Lệ phí bổ sung kiến thức (cho từ 8 thí sinh trở lên): 500.000 đồng/tín chỉ; (Trường hợp dưới 8 thí sinh căn cứ vào số lượng cụ thể thông báo tới thí sinh);
- Lệ phí ôn tập, hệ thống kiến thức: 600.000 đồng/tín chỉ;
- Lệ phí thẻ học viên: 110.000 đồng/thẻ;
- Lệ phí sử dụng tài khoản cơ sở dữ liệu khoa học: 500.000 đồng/năm học;

3. Đối với chương trình đào tạo tiến sĩ:

- Lệ phí xét tuyển: 1.500.000 đồng/học viên;
- Lệ phí nhập học: 200.000 đồng/học viên;
- Lệ phí xác minh văn bằng, chứng chỉ: 300.000 đồng/học viên;
- Lệ phí xét hồ sơ: 200.000 đồng/hồ sơ;
- Lệ phí bổ sung kiến thức (cho từ 8 thí sinh trở xuống): 500.000 đồng/tín chỉ; (Trường hợp trên 8 thí sinh căn cứ vào số lượng cụ thể thông báo tới thí sinh);
- Lệ phí thẻ học viên: 110.000 đồng/thẻ;
- Lệ phí sử dụng tài khoản cơ sở dữ liệu khoa học: 500.000 đồng/năm học;

Điều 2. Quy định về mức thu học phí các chương trình đào tạo:

1. Hệ đại học chính quy và hệ vừa học vừa làm

Đơn vị tính: đồng/tín chỉ

STT	Ngành	Học phí học kỳ 1			Dự kiến học phí học kỳ 2	
		Định mức 3,5 năm (K9)	Định mức hệ 4 năm (K10,11,12 và K8 trở về trước)	Định mức hệ vừa học vừa làm	Định mức hệ 4 năm (K10,11,12 và K8 trở về trước)	Định mức hệ vừa học vừa làm
1	2	3	4	5	7	8
1	Quản trị kinh doanh	376,000	388,000	466,000	502,000	502,000
2	Quản trị kinh doanh hệ chất lượng cao	-	790,000		794,000	
3	Quản trị kinh doanh hệ liên kết quốc tế		790,000		794,000	

STT	Ngành	Học phí học kỳ 1			Dự kiến học phí học kỳ 2	
		Định mức 3,5 năm (K9)	Định mức hệ 4 năm (K10,11,12 và K8 trở về trước)	Định mức hệ vừa học vừa làm	Định mức hệ 4 năm (K10,11,12 và K8 trở về trước)	Định mức hệ vừa học vừa làm
4	Quản trị kinh doanh bằng tiếng Anh		790,000		794,000	
5	Luật kinh tế	376,000	388,000	466,000	502,000	502,000
6	Luật	373,000	386,000	463,000	502,000	502,000
7	Công nghệ thông tin	406,000	408,000	514,000	550,000	550,000
8	Công tác xã hội	377,000	378,000	480,000	480,000	480,000
9	Giới và Phát triển	377,000	378,000	480,000	480,000	480,000
10	Truyền thông đa phương tiện	382,000	381,000	496,000	550,000	550,000
11	Du lịch lữ hành	380,000	381,000	496,000	550,000	550,000
12	Tâm lý học	380,000	381,000	496,000	502,000	502,000
13	Kinh tế	380,000	381,000	496,000	502,000	502,000
14	Kinh tế số		381,000		502,000	502,000

*** Ghi chú:**

- Chế độ ưu đãi: **Giảm 5%** trên tổng học phí trong trường hợp sinh viên hệ chính quy nộp ngay khi nhập học hoặc tuần đầu tiên của học kỳ I cho cả 01 năm học (bao gồm 40 tín chỉ học chuyên môn và 8 tín chỉ giáo dục quốc phòng).

2. Chương trình đào tạo Thạc sĩ

Đơn vị tính: đồng/tín chỉ

STT	Ngành	Định mức học kỳ 1	Dự kiến định mức học kỳ 2	Ghi chú
1	Quản trị kinh doanh	705,000	900,000	
2	Công tác xã hội	705,000	900,000	
3	Luật	705,000	900,000	
4	Tâm lý học lâm sàng (dự kiến)	705,000	900,000	

*** Ghi chú:**

- Chế độ ưu đãi: **Giảm 5%** học phí cho học viên là cựu sinh viên, cán bộ Hội LHPN Việt Nam các cấp đi học.

3. Chương trình đào tạo Tiến sỹ

Đơn vị tính: đồng/tín chỉ

STT	Ngành	Định mức học kỳ 1	Dự kiến định mức học kỳ 2	Ghi chú
1	Quản trị kinh doanh	1,175,000	1,250,000	
2	Công tác xã hội	1,175,000	1,250,000	

*** Ghi chú:**

- Chế độ ưu đãi: **Giảm 5%** học phí cho học viên là cựu sinh viên, cán bộ Hội LHPN Việt Nam các cấp đi học.

Điều 3. Quy định về mức thu Khu nội trú, Bảo hiểm y tế và các loại phí khác (áp dụng đối với hệ đại học chính quy)

1. Định mức sử dụng khu nội trú:

- Phí sử dụng khu nội trú nhà A1: 240.000 đồng/sinh viên/tháng, không bao gồm tiền vệ sinh, điện, nước và các dịch vụ khác,
- Phí sử dụng khu nội trú tòa nhà A2: 450.000 đồng/sinh viên/tháng, không bao gồm tiền vệ sinh, điện, nước, thang máy và các dịch vụ khác.

- Quy định mức thu các khoản phí đi kèm:

- + Phí dịch vụ vệ sinh, nước, dịch vụ vắt quần áo: 70.000 đồng/sinh viên/tháng,
- + Phí sử dụng thang máy: 50.000 đồng/sinh viên/ tháng,

- Tiền đặt cọc cơ sở vật chất:

- + Đối với sinh viên đăng ký ở tại khu Nhà A1: 300.000 đồng
- + Đối với sinh viên đăng ký ở tại khu Nhà A2: 500.000 đồng

(Tiền đặt cọc cơ sở vật chất sẽ đóng vào đầu kỳ học và sẽ được hoàn lại cho sinh viên trong trường hợp sinh viên không tiếp tục ở khu nội trú vào các đợt thanh toán theo quy định).

2. Bảo hiểm y tế sinh viên (bắt buộc).

- Đối với sinh viên khoá 12:

- + Bảo hiểm y tế đến tháng 12/2025.
- + Thời gian tham gia bảo hiểm: từ 1/10/2024 đến 31/12/2025
- + Mức đóng: 4,5% mức lương cơ sở, cụ thể:

$$1.800.000 \times 4,5\% \times 70\% \times 15 \text{ tháng} = 850.500 \text{ đồng}$$

(Học viện sẽ có thông báo điều chỉnh trong trường hợp có thay đổi mức lương cơ sở).

- Đối với sinh viên các khoá còn lại: Phòng Công tác sinh viên triển khai Thông báo thu bảo hiểm y tế năm 2025 vào tháng 11/2024.

3. Các loại phí khác:

- Khám sức khỏe đầu vào: áp dụng đối với sinh viên bắt đầu vào học tại Học viện mức thu: 200.000 đồng/ sinh viên.

- Bộ thẻ sinh viên: bao gồm thẻ đa năng (tích hợp thẻ sinh viên, thẻ thư viện và thẻ ATM) và bộ dây đeo thẻ: áp dụng đối với sinh viên, học viên bắt đầu vào học tại Học viện: 110.000 đồng/sinh viên.
- Sổ tay sinh viên: áp dụng đối với sinh viên bắt đầu vào học tại Học viện: 80.000 đồng/sinh viên/khóa.
- Chi phí dịch vụ công nghệ thông tin (tài khoản học tập LMS; email; wifi): 100.000đ/ sinh viên/ năm học.
- Đồng phục thể dục (01bộ mùa hè + 01 áo khoác mùa đông): dự kiến 360.000 đồng/sinh viên/khóa (sinh viên may đo và chi trả trực tiếp cho đơn vị cung cấp)

Điều 4. Trách nhiệm của các đơn vị thuộc, trực thuộc Học viện và cố vấn học tập được quy định trong Phụ lục kèm theo Quyết định.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký, thay thế cho các quy định trước đây có liên quan. Các đơn vị thuộc, trực thuộc Học viện, cố vấn học tập và người học có trách nhiệm thực hiện quyết định này. *re*

Nơi nhận:

- Thường trực ĐCT Hội LHPN Việt Nam (để b/c);
- Thành viên BGĐ Học viện;
- Văn phòng (Phòng Tài chính) Hội LHPN VN;
- Các đơn vị thuộc, trực thuộc Học viện;
- Lưu (VT, ĐT, TCKT, CTSV, TCHC, VCTT).



PGS. TS. Trần Quang Tiến

PHỤ LỤC

(Kèm theo Quyết định số 563/QĐ-HVPNVN ngày 28 tháng 6 năm 2024)

I/ Trách nhiệm của các đơn vị trong Học viện

1. Phòng Đào tạo:

- Phòng Đào tạo và các khoa, viện: Lồng ghép nội dung học phí vào các Thông báo, Đề án, tài liệu tuyển sinh, giới thiệu về ngành, chương trình đào tạo; tham gia giải thích, tư vấn cho thí sinh và các đối tượng có nhu cầu, phản ánh các ý kiến điều chỉnh;
- Xác lập, cung cấp thông tin chính xác, đầy đủ số tín chỉ của từng chương trình đào tạo và đăng ký học của từng người học trong mỗi học kỳ để phòng Tài chính kế toán xác lập học phí phải thu đối với cả chương trình và từng người học;
- Có trách nhiệm thông báo các khoản thu liên quan đến tuyển sinh, liên kết đào tạo, tổ chức đào tạo trên trang thông tin điện tử quản lý đào tạo của Học viện;

2. Phòng Tài chính kế toán:

- Xây dựng lộ trình cụ thể học phí trước từng năm học, học kỳ, ban hành các thông báo sớm để người học nắm bắt được và chủ động phương án cũng như kinh phí học tập;
- Kiểm tra, đối soát và cập nhật học phí của sinh viên lên hệ thống quản lý đào tạo và Cổng thông tin người học đảm bảo chính xác, kịp thời;
- Chủ động phối hợp với phòng CTSV xây dựng phương án cho Ban Giám đốc để tham mưu với Văn phòng (Phòng Tài chính) - TW Hội LHPNVN xin cấp nguồn kinh phí ngân sách nhà nước liên quan đến các chế độ miễn/giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ học tập, trợ cấp xã hội,...đảm bảo đúng quy định, giúp các đối tượng người học được hưởng yên tâm học tập;
- Ứng dụng mạnh mẽ CNTT, hệ thống chuyển đổi số trong thanh toán, tổng hợp, báo cáo về kết quả thu – chi từ nguồn học phí và các nguồn tài chính khác;
- Có trách nhiệm thông báo cho sinh viên về mức thu học phí, thời gian thu, hình thức thu; thực hiện thu, quản lý học phí, phí sử dụng khu nội trú và các loại phí dịch vụ khác theo quy định;

3. Phòng Công tác sinh viên:

- Quán triệt đến cố vấn học tập, giáo viên chủ nhiệm để truyền thông đầy đủ, kịp thời ngay trong tháng 6-7/2024 đến người học; giải thích đầy đủ các ý kiến của người học; nắm bắt, tổng hợp ý kiến của người học qua kênh cố vấn học tập/ giáo viên chủ nhiệm để tham mưu giải pháp động viên, ổn định tư tưởng đối với người học;
- Có trách nhiệm thông báo, tổng hợp, kiểm tra, hoàn thiện danh sách sinh viên, xác định mức miễn, giảm học phí và các chế độ khác, phối hợp với phòng Tài chính Kế toán thực hiện các thủ tục đề nghị Nhà nước cấp bổ sung ngân sách, triển khai kịp thời đến cố vấn học tập để các bên cùng có trách nhiệm thông báo, nhắc nhở, đôn đốc sinh viên nộp đầy đủ, đúng hạn các khoản học phí và phí theo quy định;



4. Phòng Tổ chức hành chính:

- Phối hợp cùng Viện CNTT đẩy nhanh hoàn thiện phân hệ chuyển đổi số về tài chính kế toán, tuyển sinh để đảm bảo ứng dụng dịch vụ thanh toán, kiểm soát tài chính trực tuyến; tham mưu phân quyền và các giải pháp đảm bảo an ninh mạng đối với toàn hệ thống chuyển đổi số;
- Có trách nhiệm thông báo nội dung của Quyết định này liên quan đến cơ sở vật chất, đưa đầy đủ, chính xác các định mức thu/chi vào các hợp đồng, thỏa thuận hợp tác sử dụng cơ sở vật chất, khu nội trú và các dịch vụ khác;

5. Viện công nghệ thông tin (Phòng truyền thông):

- Đăng tải thông tin lên cổng Thông tin điện tử và các tài liệu truyền thông cấp Học viện ra bên ngoài xã hội; đầu mối giám sát công tác truyền thông về học phí, các khoản thu; tổng hợp ý kiến phản ánh để gửi phòng Tài chính kế toán tham mưu điều chỉnh;
- Có trách nhiệm thông báo nội dung của Quyết định này liên quan tới chi phí dịch vụ công nghệ thông tin và các dịch vụ khác;

6. Cố vấn học tập; giáo viên chủ nhiệm:

- Thông tin đầy đủ, giải thích về phương án thu học phí đến người học ngay từ đầu học kỳ, năm học, các buổi họp lớp, đảm bảo 100% người học thuộc lớp quản lý nắm bắt được cơ chế, phương án học phí;
- Quan tâm theo dõi, nắm bắt tình hình, ghi nhận các ý kiến phản hồi của người học về vấn đề học phí để phản ánh đến các đơn vị có liên quan; đề xuất các giải pháp xử lý dư luận liên quan đến vấn đề học phí (nếu có); *ye*

